

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục gồm 01 thủ tục hành chính mới; 08 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết đối với 01 thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1774/TTr-STNMT ngày 23/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này:

1. Danh mục gồm 01 thủ tục hành chính mới; 08 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường theo Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính

sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Phụ lục I, II kèm theo).

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết đối với 01 thủ tục hành chính mới được công bố tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định này (Phụ lục III kèm theo).

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện công khai thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng CNTT);
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND cấp huyện;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- Lưu: VT, CNXD, HCQT, NC.



CHỦ TỊCH

Trương Hải Long



PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 619 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
01	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi 2.001850	35 ngày làm việc - Thời hạn kiểm tra phương án: Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phương án cấm mốc giới của tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra phương án. Trường hợp chưa đạt yêu cầu, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành hồ chứa để bổ sung, hoàn thiện. - Thời hạn thẩm định, lấy ý kiến các cơ quan liên quan, phê duyệt phương án: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày phương án đạt yêu cầu. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có hồ chứa, các cơ quan, đơn vị có liên quan; nếu cần thiết thì trình Ủy ban	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công (Quầy 12- Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai. - Trả kết quả giải quyết TTHC: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ.

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ hồ chứa.</p> <p>- <i>Thời hạn trả kết quả:</i> Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án cấm mốc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo, trả kết quả cho tổ chức quản lý vận hành hồ chứa bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>			



PHỤ LỤC II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 619 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
01	<p>Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000m³/ngày đêm</p> <p style="text-align: center;">1.004232</p>	<p>36 ngày làm việc:</p> <p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo.</p> <p><i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</i></p> <p>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn 03 ngày</p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công (Quầy 12- Sở Tài nguyên và Môi trường).</p> <p>Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai.</p> <p>- Trả kết quả giải quyết TTHC: Thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>	<p>Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất:</p> <p>- Đối với đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, báo cáo hiện trạng khai thác có lưu lượng nước dưới 100 m³/ngày đêm: 2.000.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>- Đối với đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, báo cáo hiện trạng khai thác có lưu lượng nước từ 100 m³ đến dưới 3.000m³/ngày đêm: 4.000.000 đồng/hồ sơ.</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012.</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.</p>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.</p>			
02	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m³/ngày đêm</p> <p>1.004228</p>	<p>31 ngày làm việc:</p> <p><i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <p>- <i>Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo:</i> Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo, nếu cần thiết kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định, đề án, báo cáo.</p> <p><i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện</i> đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm</p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công (Quầy 12 - Sở Tài nguyên và Môi trường).</p> <p>Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai.</p> <p>- Trả kết quả giải quyết TTHC: Thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>	<p>Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với trường hợp đề nghị gia hạn, điều chỉnh:</p> <p>- Đối với đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, báo cáo hiện trạng khai thác có lưu lượng nước dưới 100 m³/ngày đêm: 600.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>- Đối với đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, báo cáo hiện trạng khai thác có lưu lượng nước từ 100 m³ đến dưới 3.000m³/ngày đêm: 1.200.000 đồng/hồ sơ.</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012.</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.</p>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn trả giấy phép: trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận giấy phép.</p>			
03	<p>Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m³/ngày đêm</p> <p>1.004223</p>	<p>36 ngày làm việc</p> <p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định báo cáo, đề án: trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo.</p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công tỉnh (địa chỉ: https://dichvucong.gia lai.gov.vn) hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công (Quầy 12- Sở Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai.</p>	<p>Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất:</p> <p>- Đối với đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, báo cáo hiện trạng khai thác có lưu lượng nước dưới 100 m³/ngày đêm: 2.000.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>- Đối với đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, báo cáo hiện trạng khai thác có lưu lượng nước từ 100</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012.</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ.</p>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p><i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</i></p> <p><i>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.</i></p>	<p>- Trả kết quả giải quyết TTHC: Thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công</p>	<p>m³ đến dưới 3.000m³/ngày đêm: 4.000.000 đồng/hồ sơ.</p>	<p>- Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.</p>
04	<p>Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm</p> <p>1.004211</p>	<p>31 ngày làm việc:</p> <p><i>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</i></p> <p><i>- Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo: trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ</i></p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công tỉnh (<i>địa chỉ: https://dichvucong.gia.lai.gov.vn</i>) hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công (Quầy 12- Sở Tài</p>	<p>Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với trường hợp đề nghị gia hạn, điều chỉnh:</p> <p>- Đối với đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, báo cáo hiện trạng khai thác có lưu lượng nước dưới 100 m³/ngày đêm: 1.000.000</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012.</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ.</p>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo.</p> <p><i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện</i> đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo.</p> <p>Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</p> <p>- <i>Thời hạn trả giấy phép:</i> Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép, Trung tâm Phục vụ hành chính công thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận giấy phép.</p>	<p>nguyên và Môi trường).</p> <p>Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai.</p> <p>- Trả kết quả giải quyết TTHC: Thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công</p>	<p>đồng/hồ sơ.</p> <p>- Đối với đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, báo cáo hiện trạng khai thác có lưu lượng nước từ 100 m³ đến dưới 3.000m³/ngày đêm: 2.000.000 đồng/hồ sơ.</p>	<p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.</p>
05	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới	<p>36 ngày làm việc</p> <p>- <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công tỉnh (<i>địa chỉ: https://dichvucong.gia.lai.gov.vn</i>) hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công</p>	<p>Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt:</p> <p>- Đối với đề án, báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích không phải cho sản xuất nông nghiệp dưới 200m³/ngày đêm và cho</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012.</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ.</p>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<p>20 triệu m³, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m³/giờ trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m³/giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m³/ngày đêm</p> <p style="text-align: center;">1.004179</p>	<p>- <i>Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo:</i> Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo.</p> <p><i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo</i> không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo.</p> <p>Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</p> <p>- <i>Thời hạn trả giấy phép:</i> Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép, Trung tâm Phục vụ hành chính công thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.</p>	<p>(Quây 12- Sở Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai.</p> <p>- Trả kết quả giải quyết TTHC: Thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>	<p>phát điện với công suất dưới 100kw; sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 0,5 m³/giờ: 2.000.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>- Đối với đề án, báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích không phải cho sản xuất nông nghiệp từ 200m³ đến dưới 50.000 m³/ngày đêm và cho phát điện với công suất từ 100kw đến dưới 2.000kw; sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 0,5 m³/giờ đến 2 m³/giờ: 4.000.000 đồng/hồ sơ.</p>	<p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.</p>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
06	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m³/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m³/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới</p>	<p>31 ngày làm việc:</p> <p>- <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <p>- <i>Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo:</i> trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo.</p> <p><i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo</i> không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</p> <p>- <i>Thời hạn trả giấy phép:</i> trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép, Trung tâm Phục vụ hành chính công thông báo cho tổ chức, cá nhân</p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công tỉnh (<i>địa chỉ: https://dichvucong.gia lai.gov.vn</i>) hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công (Quầy 12- Sở Tài nguyên và Môi trường).</p> <p>Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai.</p> <p>- Trả kết quả giải quyết TTHC: Thông qua dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>	<p>Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt đối với trường hợp đề nghị gia hạn, điều chỉnh:</p> <p>- Đối với đề án, báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích không phải cho sản xuất nông nghiệp dưới 200m³/ngày đêm và cho phát điện với công suất dưới 100kw; sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 0,5 m³/giây: 1.000.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>- Đối với đề án, báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích không phải cho sản xuất nông nghiệp từ 200m³ đến dưới 50.000 m³/ngày đêm và cho phát điện với công suất từ 100kw đến dưới 2.000kw; sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 0,5 m³/giây đến 2</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012.</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.</p>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	1.000.000 m ³ /ngày đêm 1.004167	đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.		m ³ /giây: 2.000.000 đồng/hồ sơ.	
07	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ 1.004122	<p>- <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép chưa đầy đủ, không hợp lệ, cơ quan thụ lý hồ sơ cấp phép trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p>- <i>Thời hạn thẩm định hồ sơ:</i> Trong thời hạn không quá 10 ngày (<i>Giảm 05 ngày so với quy định</i>) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước thuộc Sở Tài nguyên và</p>	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Quầy 12 - Trung tâm phục vụ hành chính công. Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai.	Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất: 1.500.000 đồng/hồ sơ.	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012.</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.</p>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định cấp phép; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.</p> <p>- <i>Quyết định cấp phép:</i> Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, cơ quan có thẩm quyền quyết định cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (theo Mẫu số 03, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT).</p> <p>Trường hợp không chấp nhận cấp phép, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ quan thụ lý hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá</p>			

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>nhân đề nghị cấp phép, trong đó nêu rõ lý do không cấp phép.</p> <p>- <i>Trả Giấy phép</i>: Giấy phép đã cấp được giao trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho tổ chức, cá nhân sau khi chủ giấy phép đã nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định.</p>			
08	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ</p> <p>2.001738</p>	<p>16 ngày làm việc</p> <p>- <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ</i>: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép chưa đầy đủ, không hợp lệ, cơ quan thụ lý hồ sơ cấp phép trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Quầy 12 - Trung tâm phục vụ hành chính công.</p> <p>Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai.</p>	<p>Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trong trường hợp gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất: 450.000 đồng/hồ sơ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ. - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>- <i>Thời hạn thẩm định hồ sơ:</i> Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định cấp phép; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.</p> <p>- <i>Quyết định cấp phép:</i> Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường quyết định cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (theo Mẫu số 06,</p>			<p>- Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.</p>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT).</p> <p>Trường hợp không chấp nhận cấp phép, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ quan thụ lý hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép, trong đó nêu rõ lý do không cấp phép.</p> <p>- <i>Trả Giấy phép</i>: Giấy phép đã cấp được giao trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho tổ chức, cá nhân sau khi chủ giấy phép đã nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định.</p>			



PHỤ LỤC III
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 619 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Các bước	Trình tự thực hiện	Bộ phận, cán bộ công chức, viên chức giải quyết hồ sơ	Thời gian tiếp nhận và giải quyết hồ sơ	Cơ quan phối hợp nêu có	Trình cấp có thẩm quyền	Mô tả quy trình
1. Thẩm định, phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi							
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công Quầy số 12, Sở Tài nguyên và Môi trường	0,5 ngày; giờ 04			<p>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công (Quầy 12- Sở Tài nguyên và Môi trường).</p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công (Quầy số 12 - Sở Tài nguyên và Môi trường) xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác nhân viên Quầy số 12 - Trung tâm Phục vụ hành chính công phải hướng dẫn đại diện tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ. Quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh và chuyển hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường (Sau khi tiếp nhận sẽ được cấp một mã số hồ sơ được ghi trong Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để tổ chức, cá nhân tra cứu tình trạng giải quyết TTHC).</p>

TT	Các bước	Trình tự thực hiện	Bộ phận, cán bộ công chức, viên chức giải quyết hồ sơ	Thời gian tiếp nhận và giải quyết hồ sơ	Cơ quan phối hợp nêu có	Trình cấp có thẩm quyền	Mô tả quy trình
2	Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản - Tài nguyên nước	01 ngày; giờ 08			Lãnh đạo Phòng Khoáng sản - Tài nguyên nước phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ.
		Thẩm định phê duyệt	Lãnh đạo phòng và chuyên viên phòng Khoáng sản - Tài nguyên nước	25 ngày; giờ 200	Các sở, ngành có liên quan và UBND cấp huyện nơi có công trình		<p>Chuyên viên thụ lý kiểm tra nội dung thông tin, tính hợp lệ của Phương án cấm mốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không hợp lệ, chuyên viên thụ lý dự thảo văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị bổ sung, hoàn thiện Phương án theo quy định, trình Lãnh đạo phòng xem xét. - Trường hợp Phương án cấm mốc sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, chuyên viên thụ lý dự thảo văn bản trả lại Phương án cấm mốc và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân biết. - Trường hợp Phương án cấm mốc đầy đủ, hợp lệ thì thẩm định, lấy ý kiến, chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND cấp huyện nơi có công trình tổ chức kiểm tra thực tế khu vực đề nghị cấm mốc. + Trường hợp đủ điều kiện, chuyên viên thụ lý trình Lãnh đạo phòng kiểm tra.

TT	Các bước	Trình tự thực hiện	Bộ phận, cán bộ công chức, viên chức giải quyết hồ sơ	Thời gian tiếp nhận và giải quyết hồ sơ	Cơ quan phối hợp nêu có	Trình cấp có thẩm quyền	Mô tả quy trình
			Lãnh đạo Phòng Khoáng sản - Tài nguyên nước	01 ngày; giờ 08			+ Nếu đạt yêu cầu, lãnh đạo phòng kiểm tra, thống nhất ký nháy chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định. + Nếu không thống nhất thì có ý kiến chỉ đạo, chuyển lại cho công chức thụ lý. Công chức hoàn thiện và chuyển lại cho Lãnh đạo Phòng xem xét.
3	Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	02 ngày; giờ 16			Trên cơ sở thẩm định, góp ý các sở, ngành và kết quả kiểm tra thực tế lãnh đạo Sở xem xét, ký duyệt tờ trình, dự thảo Quyết định trình UBND tỉnh phê duyệt.
			UBND tỉnh	05 ngày; 40 giờ			UBND tỉnh xem xét, ký duyệt Quyết định, chuyển kết quả tới Sở Tài nguyên và Môi trường.
4	Bước 4	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công Quầy số 12, Sở Tài nguyên và Môi trường	0,5 ngày; giờ 04			- Chuyên viên Phòng Khoáng sản - Tài nguyên nước chuyển kết quả đến Quầy số 12 Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Nhân viên Quầy số 12 Trung tâm Phục vụ hành chính công trả kết quả giải quyết TTHC: Thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân).
Tổng cộng				35 ngày; giờ 280			